

LUẬN PHẬT TÁNH

QUYỂN 3

PHẦN THỨ 4: **BIỆN TƯỚNG** (Tiếp Theo)

Phẩm thứ 5: TỔNG NHIẾP

Lại nữa, phải biết nghĩa tổng nhiếp (gồm nhiếp). Gồm nhiếp có hai thứ: 1. Do nhân. 2. Do quả. Do nhân gồm nhiếp là tánh Như lai thanh tịnh, có bốn thứ nhân, ba thứ pháp và ba thí dụ. Vì tương tự nên lấy biển làm dụ. Ba pháp là: 1. Pháp thân thanh tịnh nhân. 2. Phật trí đức sinh nhân. 3. Phật ân đức nhân.

1. Pháp thân thanh tịnh nhân: Phải biết là tu tập tin ưa Đại thừa.

2. Phật trí đức sinh nhân: Phải biết là tu tập Bát-nhã và thiền định.

3. Phật ân đức nhân: Phải biết là tu tập đại bi Bồ-tát .

Người tu tập tin ưa Đại thừa, tương tự với khí vật, trong đấy có vô lượng định tuệ, vì đại bảo đầy khắp nên nói “tương tự với khí vật”. Tu tập Bát-nhã và thiền định với tương tự châu báu, là Bát-nhã thì vô phân biệt, thiền định thì không thể nghĩ duy, là chỗ nương của công đức nên Bát-nhã giống như báu tịnh, thiền định giống như báu như ý. Tu tập đại bi của Bồ-tát, là giống như nước thanh tịnh, đối với tất cả chúng sanh thế gian, nhuận hoạt nhất vị, ví như biển cả chỉ có một vị mặn. Đại bi của Bồ-tát thấm nhuần chúng sanh cũng giống như vậy, do đó ba pháp này trong nhân địa làm sở nương và năng nương, nên nói gồm nhiếp chung, gọi là biển pháp Như lai, gọi là nhân gồm nhiếp. Kế đó do quả gồm nhiếp, là thuyết minh pháp thân Như lai có ba loại pháp cùng với ba thí dụ tương tự nên có thể gồm nhiếp chung ba thí dụ. Tương tự, như mặt trời có ba yếu tố: 1. Thể. 2. Quang (ánh sáng). 3. Minh (sáng). Ba yếu tố này tương tự với ba thân . Ba pháp là: 1. Thân thông. 2. Lưu diệt. 3. Hiện tịnh.

1. Thân thông, thí dụ mặt trời có minh (sáng) có công năng xua

tan tối tăm của vô minh chướng tự cảnh giới, lấy làm sự dụng giống như ánh sáng mặt trời.

2. Lưu diệt: Là tận trí vô sinh, có thể tiêu trừ nghiệp phiền não làm cho không thừa lấy làm sự dụng nên giống như ánh sáng mặt trời. Điều nói Diệt, tức là Chân trí có thể trừ hoặc. Cùng với diệt gọi là tận, tức là khi hoặc không còn gọi là giải thoát, nên tương xứng với tận.

3. Hiển tịnh: Là tận cảnh vô sinh gọi là chuyển y, vì cực thanh tịnh, vô cấu, trong lặng, giống như mặt trời. Thanh tịnh, là chướng giải thoát diệt mất. Vô cấu, là chướng Nhất thiết trí diệt mất. Trong lặng, là không bị khách trần làm nhiễm ô, vì bản tánh thanh tịnh. Chuyển y, là pháp nương dựa của ba hạng người Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát là tốt đẹp.

Lại nữa, có bốn thứ tướng: 1. Sinh y. 2. Diệt y. 3. Thiện thực tư lương quả. 4. Pháp giới thanh tịnh tướng.

1. Sinh y: Là chỗ nương của đạo vô phân biệt nối tiếp của Phật, nếu không duyên pháp sinh y này thì đạo vô phân biệt sẽ không sinh, vì nói theo duyên pháp sinh y này nên gọi pháp này đạo sinh y.

2. Diệt y: Là tất cả các hoặc và tập khí diệt rốt ráo bất sinh, vì không có chỗ nương dựa. Nếu không nói theo chuyển y này để diệt hoặc rốt ráo, thì Thanh văn Độc giác cùng với Phật diệt hoặc không khác nhau, nhưng vì bất đồng, nên biết pháp này làm chỗ nương rốt ráo diệt hoặc.

3. Quả Thiện thực tư lương: Là khéo chánh thông đạt, cung kính lâu dài, vô gián vô dư... tu tập chân như sở tri, là quả chuyển y. Nếu trong đạo thì chuyển y làm nhân, nếu sau đạo thì gọi là quả. Nếu chuyển y không phải là quả thiện thực tư lương, thì tự tánh của chư Phật lẽ ra càng thuần thực tư lương, càng diệt, càng tịnh, nhưng không phải như vậy, nên chuyển y làm quả của tư lương thiện thực.

4. Tướng Pháp giới thanh tịnh: Là trong đó tất cả vọng tưởng đều diệt hết, vì sự hiển hiện của pháp giới này vượt ngoài so lường, vượt ngoài nói năng, nên dùng pháp giới thanh tịnh làm tướng. Pháp giới này tức là chỗ tâm hành diệt, đường ngôn ngữ dứt, không thể giải thích mới có thể đặc lý chân như vô sở đắc.

Lại nữa, phải biết chuyển y của Như lai có tám pháp thâm giữ: 1. Không thể nghĩ lường. 2. Không hai. 3. Vô phân biệt. 4. Thanh tịnh. 5. Soi rõ nhân. 6. Đối trị. 7. Lìa dục. 8. Nhân lìa dục.

Tám pháp trên hợp chung có 2 ý: 1. Lìa dục, là diệt đế. 2. Nhân lìa dục, tức là đạo đế. Ba câu không thể nghĩ lường, không hai và vô

phân biệt thuộc về diệt đế; ba câu kệ là thanh tịnh, soi rõ nhân và đối trị thuộc về Đạo đế.

1. Liạ dục thứ nhất có ba câu:

a. Thế nào là không thể nghĩ lường đối với bốn câu hữu, vô, phi hữu, phi vô...? Giác quán, xét lường, không thể thông đạt, ngôn ngữ danh cú vị... của tất cả chúng sanh không thể luận bàn ý nghĩa, chỉ có trí Vô phân biệt của bậc Thánh chứng biết, nên gọi là không thể nghĩ lường.

b. Không hai: Như trong kinh nói: “Này Xá-lợi-phất! Pháp thân của chư Phật là pháp không hai, pháp Vô phân biệt”. Chữ nhị, là chỉ phiền não và nghiệp, gọi là hai. Pháp thân Như lai không có hai pháp này, nên gọi là không hai.

c. Vô phân biệt: Chữ phân biệt là chỉ cho nhóm huân tập tư duy bất chánh của nghiệp phiền não, do tư duy bất chánh nên khởi có hai, do thông đạt tự tánh nên diệt hai, là hai và phân biệt bất ứng bất hành. Bất ứng là thượng tâm phiền não không tương ứng chung với hành. Bất hành là tùy miên phiền não không chung với tùy hành, tức là bất ứng bất hành. Do hai xứ này nên nói pháp thân Như lai, khổ rồi ráo diệt, không bao giờ sinh khởi. Vì sao? Vì không phải trừ diệt tất cả pháp mà gọi là diệt, vì xưa nay bất sinh nên gọi là diệt, như trong kinh vô thượng y nói: “Này A-nan! Trong pháp vô sinh vô diệt, thì tâm, ý và thức chắc chắn không sinh”.

Giải thích: Tâm, là sáu thức tâm. Ý tức là thức A-đà-na. Thức tức là thức A-lại-da. Ba thức tâm-ý-thức vì không được sinh, trong đó nếu không có ba thức thì không có phân biệt, phân biệt đã không có thì cũng không có tư duy bất chánh... đã không có ba thức thì vô minh không được khởi, là vì pháp thân Như lai liạ tư duy bất chánh thì không khởi vô minh. Nếu không có vô minh thì mười hai hữu phần không là duyên sinh nên gọi là bất sinh. Lại nữa, kinh Thắng man chép: “Là khổ diệt, không phải pháp diệt hoại gọi là khổ diệt. Hoại là phá kiến đế của ba cõi đắc Niết-bàn hữu dư. Diệt là trừ bốn thứ sinh, tử, tư duy và phiền não, đắc niết bàn vô dư nên nói diệt hoại. Do khổ diệt gọi là vô tử thời tiết, không tạo tác không sinh, không diệt, liạ tận, thường trụ, hằng vắng lặng, tự tánh trong lặng, thanh tịnh giải thoát, tất cả phiền não, khởi công đức nhiều hơn số cát sông Hằng, cùng gồm nhiếp phi tương ly, trí bất xả ly, không thể tư duy, tương ứng với pháp Như lai”. Đã nói pháp thân Như lai của chư Phật, thì pháp thân Như lai đó gọi là liạ dục.

2. Nhân liạ dục thứ hai, là đắc sự gồm nhiếp đạo Kiến đế và Tu

đạo của pháp thân này, do cảnh giới nên nói trí Vô phân biệt có ba nghĩa, tương tự mặt trời, vì thanh tịnh vô lưu nên giống như mặt trời, vì có thể soi rõ tất cả cảnh giới nên giống như mặt trời sáng, vì có thể đối trị tất cả ám chướng chân kiến nên giống như ánh sáng mặt trời.

Giải thích: Ám chướng chân kiến, là đầy đủ tướng, phiền não nạn, nghiệp nạn, quả báo nạn.

Đầy đủ tướng: Là dùng tùy miên phiền não làm nhân, năm dục trần làm duyên, tư duy bất chánh làm nhân câu khởi, có đủ ba thứ này gọi là đầy đủ tướng, là ám chướng bất kiến bất tri của như thật, lia dục thì một cõi của pháp thân liền được sinh khởi, như ứng kiến ứng tri này mà pháp thân Như lai lia dục.

Hỏi: Thế nào là kiến tri?

Đáp: Là xét lường như thật về tướng bất kiến và cảnh bất kiến. Cảnh là tánh Phân biệt, tướng gọi là y tha. Không thấy hai tánh Phân biệt và y tha, nên gọi là kiến tri chân thật một cõi. Lại nữa, tướng là người, cảnh là pháp, không thấy tướng cảnh người pháp này nên gọi là hai không. Như vậy tất cả các pháp, Như lai đều thấy đều biết, do bình đẳng bình đẳng rồi thông đạt như chân thật nên cảnh và trí đều bình đẳng không có thêm bớt, gọi đó là quán bình đẳng, quán này có thể xua tan chướng tối tăm của kiến chân thật, đó là nhóm nhân của chí đắc Pháp thân Như lai, vì là sự gồm nhiếp của Kiến đạo và Tu đạo. Vì nghĩa đó, nhân lia dục này không lia hai tu mà được thành tựu. hai tu: 1. Như lý tu. 2. Tu như lượng. Do đó đối tượng nhận thức của thế gian chỉ có hai thứ: 1. Người. 2. Pháp. Nếu người nào thông đạt hai không này, thì hoàn toàn tương ứng với mé như thật nên gọi là như lý. Mé Như lượng: Là cùng nguồn tận tánh, nghiên cứu tận nguồn pháp giới gọi là mé.

Như lý tu: Là không hoại người pháp, vì sao? Như người pháp này xưa nay là diệu cực vắng lặng làm tánh, không thêm không bớt, lia hữu lia vô.

Tướng vắng lặng: Là tự tánh thanh tịnh, các hoặc xưa nay không sinh; thấy hai không này gọi là tướng vắng lặng, tự tánh tâm thanh tịnh gọi là Đạo đế, hoặc không sinh, tâm tịnh không chấp gọi là Diệt đế, là tâm có tự tánh thanh tịnh và có phiền não hoặc chướng. Như hai pháp trong giới vô lưu, thì tâm thiện và tâm ác tự hiện hành riêng, trong một niệm, hai tâm không tương ứng. Hai pháp này khó có thể thông đạt, như kinh Thắng man nói: “Bạch Thế tôn ! Tâm thiện niệm niệm diệt không trụ, các hoặc không thể nhiễm, tâm ác niệm niệm diệt, các hoặc cũng không nhiễm. Bạch Thế tôn! Phiền não không xúc với tâm, tâm không

xúc với phiền não, thì vì sao là không có xúc pháp mà tâm bị nhiễm ô” ! Như theo đây mà biết thì gọi là trí như lý. Trí như lượng, là biết rõ ráo hết tất cả cảnh gọi là trí như lượng. Nếu thấy tất cả trái với như cảnh trí thì thành sinh tử, nếu trợ giúp từ cảnh trí thì đắc Niết-bàn. Tất cả pháp Như lai do nghĩa đó mà gọi là như lượng, đến sơ địa mới được hai trí này, vì thông đạt đầy khắp lý pháp giới nên hai pháp sinh tử và Niết-bàn đều biết.

Lại nữa, hai trí này là tự chứng trí kiến, do tự được hiểu, không phải từ người khác mà được, nhưng chỉ tự được chứng biết, không thể khiến cho người khác biết, nên gọi là tự chứng trí kiến.

Lại nữa, hai trí này có hai loại tướng: 1. Vô trước. 2. Vô ngại. Vô trước, là thấy tự tánh thanh tịnh của chúng sanh giới, là tướng của trí như lý. Vô ngại, là có thể thông đạt quán vô lượng vô biên giới, gọi là vô ngại, gọi là tướng của trí như lượng.

Lại, hai trí này có hai nghĩa: 1. Trí như lý làm nhân. 2. Trí như lượng làm quả. Trí như lý làm nhân: Là có thể làm nhân cho sinh tử và Niết-bàn. Trí như lượng làm quả: Là vì lý kia mà biết các pháp chân tục của Như lai thành tựu đầy đủ.

Lại nữa, trí như lý là nhân thanh tịnh, trí như lượng là nhân tròn đầy. Nhân thanh tịnh là do ba hoặc của trí như lý diệt hết. Nhân tròn đầy là do ba đức của trí như lượng tròn đầy, ba pháp không thể nghĩ lường, vô hai và vô phân biệt trước gọi là lia dục, lấy thanh tịnh, chiếu liễu nhân và đối trị gọi là nhân lia dục, gọi đó là tám thứ công đức chuyển y thâm giữ của Như lai.

Lại nữa, phải biết Pháp thân chuyển y có bảy tên: 1. Trầm một (lặn chìm), vì trầm một các thủ ấm. 2. Vắng lặng, vì các hành vô sinh.

3. Vứt bỏ, vì từ bỏ các bạn dư (bạn thừa). 4. Quá độ, vì ra khỏi hai thứ khổ. 5. Nhỏ lên, vì nhỏ trừ bản thức. 6. Cứu giúp, vì cứu độ năm thứ sợ hãi. 7. Đoạn, vì dứt trừ đối với quả báo sáu đường.

Giải thích: Nói:

1. “Trầm một thủ ấm”, thủ nghĩa là tham ái, có bốn thứ: 1. Dục thủ. 2. Kiến thủ. 3. Giới thủ. 4. Ngã ngữ thủ. Thủ có hai nghĩa: 1. Thọ thủ. 2. Thọ tư lương. Thọ thủ là do thọ mà sinh ái. Thọ tư lương, là tham ái thọ này nên chấp lấy bốn tư lương. Bốn tư lương, tức là bốn thủ:

1. Dục thủ: Là tham sáu trần của cõi Dục.

2. Kiến thủ: Là trong cõi Dục, chỉ trừ hai thứ giới thủ và chấp thường, bốn kiến còn lại gọi là kiến, tham ái kiến ấy gọi là kiến thủ.

3. Giới thủ: Là trong ba cõi, chấp lấy hai thứ tà đạo và chánh đạo

của thế gian để lìa khổ mà được lạc, gọi đó là giới (giới luật), tham chấp giới này nên gọi là thủ.

4. Ngã ngữ thủ: Ngã ngữ là duyên nội thân, tất cả nội pháp làm ngã ngữ, tham chấp nội pháp này gọi là ngã ngữ thủ. Định của cõi sắc và cõi vô sắc duyên nội pháp mà thành nên gọi là ngã ngữ, tham chấp định này, gọi là thủ. Trong bốn thủ này, hai thủ trước thuộc đoạn kiến, chỉ chấp hiện tại, cho rằng không có vị lai; hai thủ sau thuộc chấp thường, vì chấp có vị lai.

Lại hai thủ trước thuộc người tại gia hay đấng khởi, hai thủ sau thuộc người xuất gia hay chấp.

Lại hai thủ trước là nhân tranh cãi của người tại gia và xuất gia, hai thủ sau là nhân tu hành của người tại gia và xuất gia.

Lại hai thủ trước, dục thủ làm sự sở thành, kiến thủ làm năng thành, hai thủ sau, giới thủ làm sự được thành, ngã ngữ thủ làm năng thành.

Lại nữa, ấm, có nhiều nghĩa, như trong phần giải thích riêng, ở đây lược nói có hai nghĩa: 1. Năng sinh thủ: vì năm ấm của phàm phu có thể làm nhân duyên cho thủ. 2. Từ thủ sinh, tức là năm ấm này, là quả của nhóm thủ, nên nói là thủ ấm. Nhưng nói “Trầm một” (lặn chìm), là trong Pháp thân, nhân quả đều không có nên gọi là trầm một. Thủ làm đối trị nên trầm, ấm làm báo tận, gọi là một, nên nói Pháp thân dựa theo thủ ấm không bao giờ có, nên gọi là trầm một.

2. “Tịch tịnh các hành”: Tất cả pháp Hữu vi gọi là hành, cùng tương ứng với bốn tướng. Bốn tướng: 1. Sinh. 2. Dị. 3. Trụ. 4. Diệt. Tất cả pháp Hữu vi dựa theo mé trước tương ứng với tướng sinh, dựa vào mé sau tương ứng với diệt tướng, dựa theo mé giữa tương ứng với dị tướng và trụ tướng, mà hành dịch không ngừng nên gọi là hành. Pháp thân Như lai thì không như vậy, dựa theo trước vô sinh, dựa theo sau vô diệt, khoảng giữa không có bệnh già, mà vắng lặng thường trụ. Vì vô sinh nên nói là tịch, vì vô diệt nên nói là tĩnh. Dựa theo mé trước không sinh nữa, vì lìa ý sinh thân; dựa theo mé sau không tử nữa, vì đã vượt qua sự thối đạo không thể nghĩ duy; dựa theo mé trước và mé sau không bị tổn giảm nhiễm ô, vì vượt qua phiền não bệnh của vô minh trụ địa.

3. Bỏ các thứ sót, các thứ sót là người hai thừa, có ba thứ sót: 1. Phiền não sót: Là vô minh trụ địa. 2. Nghiệp sót: Là nghiệp vô lậu. 3. Quả báo sót: Là ý sinh thân. 1. Phiền não sót nên diệt. 2. Đạo sót nên tu. 3. Luống đối sót nên trừ. Như lai đã lìa luống đối, gọi là vô dư, nhị thừa chưa lìa luống đối nên gọi là sót. Chuyển y Pháp thân của Như lai

đã vượt qua bốn thứ sinh tử, đã diệt hết tất cả phiền não luống dối, đã tu tất cả đạo, và đã từ bỏ sinh tử buông bỏ Đạo để, vì hai thứ này không có bốn đức, chỉ có Pháp thân trụ bốn đức tròn đầy, nên gọi là bỏ các thứ sót.

4. Quá độ khổ: Là nghĩa nghịch khổ.

Trái Nghịch có hai thứ: 1. Nghịch ý của bậc Thánh, là kẻ thù của bậc Thánh, vì có thể làm phiền não bậc Thánh. 2. Trái nghịch Thánh ý, vì Thánh có thể dứt trừ.

Khổ có hai thứ: 1. Là hai thọ khổ vui của phàm phu. 2. Hành khổ của bậc Thánh.

Lại có hai thứ khổ khác: 1. Thân khổ. 2. Tâm khổ.

Lại có hai thứ nữa: 1. Danh khổ. 2. Sắc khổ.

Lại có hai thứ nữa: 1. Hai thừa giới nội khổ. 2. Bồ-tát giới ngoại khổ. Do đó Pháp thân trong địa thì không có khổ thô của Nhị thừa, nên gọi là quá, không có bốn thứ khổ tế sinh tử của Bồ-tát nên gọi là độ, gọi đó là quá độ 2 khổ.

5. Nhỏ gốc bản thức: Bản thức tức là thức A-lê-da lấy nương ẩn làm nghĩa, là gốc của sinh tử, vì có thể sinh bốn ngọn. bốn ngọn là phiền não có hai ngọn, nghiệp có một ngọn, quả báo có một ngọn, tổng cộng là bốn ngọn.

Gốc phiền não có hai ngọn: 1. Tất cả các kiến, lấy vô minh làm gốc, môn giải thoát vô tướng làm đạo đối trị. 2. tất cả phiền não ngoài các kiến, lấy tham ái làm gốc, môn giải thoát vô nguyện làm đạo đối trị.

Gốc nghiệp có một ngọn, lấy tánh phàm phu làm gốc. Tánh phàm phu tức là thân kiến.

Gốc quả báo có một ngọn, là tất cả quả báo sinh tử, nói theo thức A-lê-da làm gốc, vì chưa lìa thức này thì quả báo chưa dứt.

Trong Pháp thân do hai đạo và hai đời diệt hết nên gọi là nhỏ bỏ. Hai đạo là: 1. Trí vô phân biệt, vì có thể nhỏ trừ luống dối hiện tại, có thể làm Pháp thân thanh tịnh, tức gọi là tận trí. 2. Trí vô phân biệt hậu, vì có thể khiến cho luống dối vị lai không bao giờ khởi, có thể làm tròn đầy Pháp thân, tức là trí vô sinh. Bạt là thanh tịnh, diệt hoặc hiện tại, trừ là tròn đầy, dứt hoặc vị lai, nên gọi là nhỏ trừ.

6. Cứu giúp năm thứ sợ hãi: Năm sợ hãi là: a. Úy tự trách. b. Úy tha trách. c. Úy trị phạt. d. Úy ác đạo. e. Úy chúng tập.

a. Úy tự trách: Là như người gây ra các tội ác, nên ngày đêm kinh sợ.

b. Ủy tha trách: Là người đã tự làm ác, thường sợ người khác và các thiên thần ở cõi u minh thấy nêu ôm lòng kinh sợ.

c. Ủy trị phạt: Là thân làm ác, thường sợ phép nước trị phạt.

d. Ủy ác đạo: Là người có tội, tùy theo đó mà sợ đọa vào đường ác.

e. Ủy chúng tập, là ba nghiệp bất tịnh và cả tri thức kiến giải không sâu, thường kinh sợ oai đức của đại chúng. Nếu người đã chứng kiến Pháp thân thì lia năm sợ hãi này, nên nói Pháp thân cứu giúp năm thứ bố úy.

7. Đoạn quả báo chữ đạo rất nhiều sáu đường, lược nói có hai thứ:

1. Hành xứ gọi là đạo, năm ấm là lĩnh vực được làm ra, ba đời làm năng hành. Lại nữa, lấy bốn khổ sinh già bệnh tử làm nơi du hành nên gọi là đạo. 2. Sáu thứ đồng dị gọi là đạo, như người thì đồng người thì dị trong năm đường. Các đường còn lại cũng vậy, là đồng dị loại.

Hỏi: Đạo là gì?

Đáp: Có hai thứ: 1. Sự trôi lăn của chúng sanh. 2. Hoạt động của nghiệp. Vì hai nghĩa này thành lập nên gọi là đạo, Pháp thân Như lai không trở lại đạo này, nếu nghiệp của Niết-bàn hữu dư đã hết, quả của chúng sanh trôi lăn chưa hết, thì hai thứ nhân quả của Niết-bàn vô dư đều hết, nên gọi là đoạn diệt sáu đường. Nếu có kinh luận nói Pháp thân Như lai, thì nên biết cùng với bảy tên này tương ưng, đó là nói tên và cảnh.

Lại nữa, nói tướng của Pháp thân, là các khổ lặng dứt, đó là tướng của Pháp thân, là vắng lặng duyên của khổ.

Lại nữa, nói vị của Pháp thân, vị đó có hai thứ: 1. Bất thối đọa nên gọi là vị. 2. An vui nên gọi là vị. Chúng sanh trong sinh tử cho đến trong mộng đều chưa từng thấy, nếu người tu chánh hạnh cầu thấy pháp này, khi được thấy thì liền đắc an vui bất thối, lấy an vui làm vị.

Lại nữa, nói thân sự, sự là vô tướng làm sự, tướng của năm ấm trong đó tận vô dư. Lại cũng lấy vô hý luận làm sự. Hý luận có ba thứ:

1. Tham ái. 2. Ngã mạn. 3. Các kiến. Ba thứ hý luận đó, Như lai diệt đã hết, nên lấy vô hý luận làm sự. Hý luận có ba nghĩa: 1. Có thể trái với lý thật. 2. Danh đối gạt thế gian. 3. Ngăn cách giải thoát. Nghĩa thứ nhất là trái với chánh cảnh, nghĩa thứ hai là trái với chánh hạnh, nghĩa thứ ba là trái với chánh đắc, hợp chung ba nghĩa này gọi là hý luận.

Lại nữa, hý luận có chín thứ: 1. Thông kế ngã (chấp ngã chung).

2. Đích kế thị ngã (chấp ngã riêng). 3. Kế ngã ưng sinh (chấp ngã phải sinh lại). 4. Kế ngã bất cánh sinh (chấp ngã không sinh lại). 5. Kế ngã

hữu sắc ứng sinh (chấp ngã có sắc phải sinh lại). 6. Kế ngã vô sắc ứng sinh (chấp ngã vô sắc phải sinh lại). 7. Kế ngã hữu tướng ứng sinh (chấp ngã hữu tướng phải sinh lại). 8. Kế ngã vô tướng ứng sinh (chấp ngã vô tướng phải sinh lại). 9. Kế ngã phi tướng phi phi tướng ứng sinh (chấp ngã phi tướng phi phi tướng phải sinh lại).

1. Thông kế ngã: Là trong năm ấm, chấp chung có ngã mà không thể phân riêng, vì phân riêng thì liền lìa, chỉ là chấp tràn lan.

2. Đích kế thị ngã: Là trong hiện đời, lấy bất cứ một nào làm ngã. Chữ “thị (chính là)” là nghĩa riêng của chữ “đích (đích thực)”, quyết định chính là hai xứ: a. Quyết định có hiện đời. b. Chắc chắn chấp trên một ấm, nên nói là “thị”.

3. Kế ngã ứng sinh: Tất cả các kiến không ngoài hai thứ hữu vô, do hữu kiến nên chấp thường. Trong vô kiến lại có hai thứ: a. Tà kiến, là tất cả kiến chấp vô nhân, vô quả, đều bác bỏ ba đời. b. Đoạn kiến, là cho rằng chỉ có hiện tại, không tin vị lai.

4. Kế ngã bất cánh sinh: Kế chấp này do chấp đoạn mà khởi.

5. Kế ngã hữu sắc ứng sinh: Là trong cõi Dục và cõi sắc, chấp này nhân chấp thường mà khởi.

6. Kế ngã vô sắc ứng sinh: Là trong cõi Vô sắc, cho rằng ba pháp thọ, tâm và pháp làm ngã, quán sắc thì hoại diệt, ba pháp này thì bất diệt, đây là nhân chấp thường mà khởi.

7. Kế ngã hữu tướng ứng sinh: Là trong ba cõi, trừ trời Vô tướng và Phi tướng phi phi tướng thiên, các chỗ còn lại đều cho tướng là ngã, đây là nhân theo chấp thường mà khởi.

8. Kế ngã vô tướng ứng sinh: Là cho Trời Vô tướng và cây cỏ... là ngã, vì đồng với tâm vô tướng, nên nhân theo chấp thường mà khởi.

9. Kế ngã Phi tướng phi phi tướng ứng sinh: Ở đây là cho rằng xứ Hữu đánh là ngã, cho quán tướng là lệ thuộc, cho Niết-bàn là hầm hố, nếu không trừ tướng thì không do đâu mà giải thoát, vì có lệ thuộc, nếu dứt bỏ tướng, thì lại sợ mất ngã mà rơi vào hầm hố Niết-bàn. Vì sao? Vì ngã cùng với tướng không được lìa nhau, không được xả bỏ hay không xả bỏ, vì lệ thuộc. Muốn trừ tướng nên nói là “Phi tướng”. Vì sợ mất ngã mà không dám xả bỏ tướng nên gọi là “Phi phi tướng”. Do tâm tán loạn này mà không đắc Niết-bàn. Nói những thứ này gọi là hý luận, nếu có thể quán chứng Pháp thân thì tất cả hý luận đều không còn sinh nữa.

Ngoại đạo nói: Trong Pháp thân, dùng pháp gì để lập các nghĩa của các tướng này?

Đáp: Như sự lập luận của ông thì Pháp thân phải nhất định là không, vì không thể chấp được. Nếu vật không phải là cái đặc của sáu thức thì chắc chắn là không, như sừng thỏ. Sừng thỏ, là không phải chỗ đặc của sáu thức, vì nhất định là không. Pháp thân cũng vậy, nên Pháp thân chắc chắn là không.

Hỏi: Các nghĩa dùng thế nào?

Đáp: Ông nói không phải điều mà sáu thức thấy, nên Pháp thân không có, nghĩa đó không đúng. Vì sao? Vì dùng phương tiện có thể chứng Niết-bàn, tưởng xứng với chánh hạnh thì gọi đó là phương tiện. Do phương tiện này mà có thể biết, có thể thấy Pháp thân, ví như do tha tâm thông, thì có thể thấy được tâm Thánh xuất thế.

Giải thích: Tha tâm thông, có ba loại nhân duyên là sự đặc hai phương tiện đó: 1. Chánh đạo phương tiện. 2. Một do thiên tai, hai do thiên nhãn. Do thiên tai nên nghe mà giác quán âm thanh, do âm thanh này mà biết được tha tâm. Nói theo thiên nhãn thì có thể thấy nhục tâm người khác trong lỗ hồng có nước và tương nước, nếu đen thì biết là si mê, sinh vàng thì biết là tham lam, đỏ thì biết là sân nộ, xanh trắng thì biết là thiện, thấy màu lụa trắng xanh thì biết là vô ký. Do phương tiện tai mắt mà so biết tha tâm.

Kế đó là chánh đạo, nếu muốn đặc tha tâm thông thì phải duyên tự tâm, trước hết tu quán hạnh, không dùng tâm hiện tại quán tự thể của hiện thế tâm vì không được thấy cùng lúc, tâm hiện tại thì có thể khứ tâm quán quá. Vì sao? Vì có thể đuổi theo duyên, từ xa đến gần, thứ tự từ trước hướng đến sau, ban đầu thì quán vô lượng niệm, như vậy dần dần đến một sát-na, đến diệt một sát-na trong tự tâm quán mà được tự tại, rồi sau đó lấy tâm của người trước mà khởi cảnh giới của mình. Vì tu quán hạnh, khi mới nhập quán thì phải khởi nguyện tâm, khi khởi có ý thời hạn, trước hết phải giả tưởng quán thân và thân tướng của người trước đầy đủ, như vậy phân tích dứt trừ hết ba tướng da thịt xương, chỉ còn lại các tâm khác, tu tập kỹ lưỡng, duyên theo tâm của người trước, tùy theo lợi độn, xa gần, hoãn gấp, tự có thể thấy suốt, như sở duyên đó, ta đều có thể thấy các thứ tâm, như Thánh tâm của người khác, tuy vượt qua cảnh của sáu căn mà cũng có thể được thấy. Pháp thân Như lai cũng giống như vậy, tuy không phải điều thấy của sáu thức, nhưng do phương tiện chánh hạnh mà có thể thấy được, nên biết là hữu, không nên đồng với vô.

Lại nữa, lại có nghĩa khác biết Pháp thân chẳng phải là vô. Vì sao? Nếu Pháp thân là vô, thì các chánh hạnh đều rỗng mất, vì chánh

kiến làm hạnh đầu tiên để gồm nhiếp các pháp thiện của giới định tuệ, chánh hạnh đã tu chẳng phải rỗng rang vô quả, vì chánh hạnh này có thể đắc quả nên biết Pháp thân chẳng phải vô. Nếu ông nói: “Pháp thân chắc chắn là vô, nhưng chánh hạnh có thể khiến cho đến năm ấm, Nhập... Diệt hết, nên phải biết chánh hạnh không phải vô quả”, nghĩa đó không đúng. Vì sao? Vì Niết-bàn không phải hữu. Nếu vô của năm ấm... là Niết-bàn, thì ấm... của hai đời quá khứ và vị lai đều là vô, do đó lẽ ra là Niết-bàn, nhưng ấm... của quá khứ và vị lai đã không có chuyện đó, không phải Niết-bàn, nên biết không thể chấp lấy chỗ xứ vô của ấm gọi là Niết-bàn.

Lại nữa, nếu ông chấp lấy xứ vô này làm Niết-bàn, thì những người cuồng say đáng lẽ đều có Niết-bàn! Nhưng việc đó không có, nên biết xứ vô của ấm chẳng phải Niết-bàn.

Lại nữa, nếu ông nói: “Năm ấm hiện đời là Niết-bàn vô vi”, nghĩa đó không đúng. Vì sao? Vì không có cái vô vi đó. Nếu là pháp hiện tại, thì chẳng phải vô, vì trái nhau, nếu là pháp đã diệt thì chẳng phải hiện tại, nếu hiện tại thì không diệt, vì hữu và vô không được có cùng lúc.

Lại nữa, dựa vào ấm hiện tại, khi tu Thánh đạo thì không nên đắc Niết-bàn. Tám Thánh đạo, dựa vào năm ấm hiện tại mà được thành, lúc đó năm ấm hiện tại là thật hữu chưa phải là vô, trong đây không bao giờ có nghĩa đắc Niết-bàn. Vì sao? Vì ông lập chấp rằng: “Xứ vô của năm ấm hiện đời gọi là Niết-bàn”, thì nói theo năm ấm hiện đời này mà tu bát Thánh đạo đắc Niết-bàn, nên ông chấp: “Xứ vô của năm ấm hiện đời gọi là Niết-bàn”, nghĩa đó không đúng! Nếu ông nói: “Lúc đó phiền não không phải hiện tại, thì không có lỗi”, nghĩa đó không đúng! Nếu ông nói: “Khi tu tám thánh đạo thì năm ấm hiện tại là các phiền não mà không phải hiện đời, lúc đó phiền não không được sinh, do tám thánh đạo mà được chứng được thấy, nên hiện đời đắc Niết-bàn”, nghĩa đó không đúng. Vì sao? Vì phiền não đầu tiên không phải là hiện đời, nên Tu đạo vô dụng, khi tu Thánh đạo thì các phiền não đó chưa trừ diệt. Cái thấy của ông chẳng phải tương ứng, liền nói rằng không phải hiện đời. Nếu tùy theo nghịch lưu khi mới tu hành thì phiền não đã không tương ứng, phiền não này không tương ứng thì không phải hiện đời, phiền não này là sự chấp Niết-bàn của ông. Nếu ông chấp: “Phiền não này là Niết-bàn, khi Thánh đạo chưa khởi thì lẽ ra đã diệt hoặc rồi, vì đã đắc Niết-bàn, sau đó tu Thánh đạo thì không có ứng dụng trở lại, là vì tám thánh đạo đó có thể diệt các hoặc và đắc Niết-bàn”, nghĩa đó

không đúng, nên biết diệt xứ của phiền não không gọi là Niết-bàn. Nếu ông nói: “Do Thánh nói, dục... Diệt hết gọi là Niết-bàn”, như trong kinh Cát Tường có bài kệ rằng:

*Diệt hết và lìa dục,
Không chết đọa vì diệt,
Nếu người thấy kinh này,
Thành Phật được vắng lặng.
Vô pháp đồng với đây,
Nếu chứng thì vô ưu,
Là pháp bảo chân diệt,
Do nghĩa cát tường đó.*

Nếu ông nói: “Các hoặc như dục... chẳng phải hiện đời, chẳng phải hữu, là tận, do ba nghĩa này gọi là Diệt đế”, nghĩa đó không đúng. Vì sao? Vì quả đê bốn đồng với nghĩa này, nên trong kinh Phật nói: “Cái gì gọi là quả A-la-hán? Lấy hoặc của ba cõi diệt hết gọi là quả A-la-hán. Chỉ lấy diệt của dục... làm quả, thì quả này thật ra không bằng trong kinh này chánh lấy xuất thế quả báo năm thân của bốn ấm giới làm quả A-la-hán, mà chỉ do hoặc này diệt thì quả A-la-hán mới được thành, đây là trong quả mà nói tên của nhân này. Niết-bàn cũng vậy, do Niết-bàn mà các hoặc được diệt, do đó trong nhân mà nói tên quả, nên ông nói: “Do tám thánh đạo có thể đắc Niết-bàn”, nghĩa đó không đúng!

Lại nữa, khi Pháp thân trụ thì ngấn ngủi, pháp tướng hữu vi, chẳng phải công dụng đắc, là ba lỗi đối với nghĩa của ông đã hỏng. Nếu ông đã nói là: “Hoặc của dục... Diệt, gọi là Pháp thân”, trong sự lập nghĩa của ông có ba lỗi: 1. Lỗi khi trụ thì ngấn ngủi. Ngấn ngủi, là các pháp niệm niệm không dừng, gọi đó là diệt hết. Vì diệt hết nên không được tạm dừng, thì ông làm sao mà lập nghĩa của diệt hết này làm Pháp thân! Vì thời gian ngấn ngủi nên mất nghĩa thường của Pháp thân. 2. Lỗi Hữu vi pháp tướng. Nếu diệt hết này là Pháp thân, thì Pháp thân là Hữu vi pháp tướng, Pháp thân nếu là tướng hữu vi, thì không có chuyện đó. 3. Lỗi có phi công dụng. Tất cả pháp này nói theo nhân duyên diệt thì đó là tự tánh. Vì sao? Vì diệt là bản. Nếu diệt là phi công dụng mà đắc thì Pháp thân cũng nhân theo công dụng mà đắc. Đã vô công dụng mà đắc, thì ngủ nghỉ, cuồng say... đáng lẽ cũng đều đắc Niết-bàn. Vì ba lỗi này mà nghĩa của ông không thành.

Lại nữa, nếu diệt hết làm Niết-bàn, thì tương ứng với các pháp Hữu vi, vì diệt có hai pháp Hữu đồng động khổ, nói pháp Hữu vi đều bị lửa mê hoặc của dục... đốt cháy, nên hằng tán động không dừng trụ,

thì bị sinh già chết làm hoại, do đó mà hằng khổ. Như Phật nói: “Này Tỳ-kheo! Sinh già chết... là pháp Hữu vi, nên tất cả Hữu vi thường thiêu đốt, thường khổ. Cái chết là Diệt hết, diệt hết này tức là hữu vi. Nếu là hữu vi, nên biết sự lập Pháp thân của ông không được là thường, đã là phi thường thì nghĩa của ông làm sao lập được? Vì sao? Vì nghĩa của ông chấp tối tĩnh làm động, tối lạc là khổ, nên không đúng. Nếu ông nói: “Từ đây một lần diệt thì không bao giờ sinh lại nữa, làm Niết-bàn”, nghĩa đó không đúng. Vì sao? Vì không lìa các lỗi trước. Ông nói: “Vĩnh diệt hẳn là sinh tử diệt không khác nhau”, nghĩa đó không đúng! Nếu ông nói: “diệt hẳn là Niết-bàn”, thì đạo cũng phải thành Niết-bàn. Vì sao? Vì không có một lần diệt rồi không bao giờ sinh lại, không có pháp này. Nay tôi tùy theo ý ông nói mà tôi muốn có diệt này, nếu có diệt này thì không bao giờ thể lìa các lỗi trước.

Lại nữa, sau khi đạo diệt thì phiền não cũng không sinh lại, nếu cho diệt hẳn là Niết-bàn, thì đạo dụng đó diệt lẽ ra là Niết-bàn.

Lại nếu ông nói: “Năng diệt là Niết-bàn”, thì không có Niết-bàn riêng để làm năng diệt, chỉ lấy đạo dụng chính là làm năng diệt, nên biết đạo thể đáng lẽ có thể làm diệt. Nếu ông nói: “Phiền não bất sinh là Niết-bàn”, nghĩa đó không đúng. Vì sao? Vì không tránh khỏi hai thứ lỗi. Nếu phiền não không sinh thì tức là đồng thể với diệt hết, như lỗi năm hỏi vặn của tử diệt ở trước. Nếu là bất sinh, thì tại trước đạo hay sau đạo? Nếu trước đạo thì khi chưa Tu đạo, đáng lẽ đã đắc Niết-bàn, vì Tu đạo vô dụng. Nếu sau đạo thì thuộc vị lai, vượt quá nghĩa của ba đời, nên không thành lập.

Lại nữa, nếu ông lập vô sinh, thì nghĩa đó thế nào? Đó là hữu hoặc mà vô sinh, hay là vô hoặc mà vô sinh? Nếu phiền não có thì chẳng có vô sinh. Vì sao? Vì hai pháp hữu vô không được đồng thời cùng xứ. Ví như một người khi đi thì không đứng, khi đứng thì không đi, vì hai pháp trái nhau nên đi và đứng không được đồng thời, nên biết khi phiền não còn thì không được lập, vì không có sinh. Nếu không có phiền não mà lập vô sinh, lúc đó phiền não đã không có thì dựa theo ai mà nói về vô sinh! Ví như người ta nói con của gái bất dục không thể sinh con!

Lại nữa, ông lập phiền não vô sinh, đó là vật mà có hay phi vật mà có? Nếu là vật mà có, thì như bốn đại... có thật pháp, có giả danh, những thứ này là hữu vật. Nếu phi vật mà có, thì như hoa đốm, sừng hổ, rõ ràng tự nó không có, nên nói phi vật mà có. Nếu nói là hữu vật, thì do sự thành của bốn duyên. Sự thành của bốn duyên không có nghĩa sinh thì không lập, vì nghĩa đó nên Hữu vi và vô vi thì không có sai khác.

Nếu ông nói: “Là vật mà có, không phải bốn duyên làm thành”, tức là đồng với sự chấp tự tánh, lân hư, ngã, thời phân... của tà kiến ngoại đạo. Nếu ông nói: “Phi hữu vật là Niết-bàn”, thì chỉ có danh tự, như người ta nói sừng thỏ bén nhọn. Nếu như thế thì đồng với việc phá ở trước, tức là Tu đạo vô dụng.

Ngoại đạo hỏi: Nếu không chấp lấy vô sinh làm Niết-bàn, thì vì sao Phật nói vô sinh diệt hết làm Niết-bàn?

Đáp: Đạo nói theo Niết-bàn có thể làm cho phiền não vị lai không sinh hiện tại, trong diệt nhân mà nói quả nên gọi Niết-bàn là vô sinh diệt hết.

Ngoại đạo hỏi: Vì sao quả nói là tên của nhân, mà không trực tiếp lấy chính tên của quả thế?

Đáp: Vì rất nhỏ nhiệm. Trong tất cả pháp, không pháp nào có thể nhỏ nhiệm hơn Niết-bàn, do đó nếu đặc pháp này thì các hoặc như dục... Diệt mất, không sinh lại nữa, nên mượn thô danh này để hiển lý tế, vì tướng của lý có thể biết, nên trong kinh nói như vậy.

Hỏi: Làm sao biết Niết-bàn này rất nhỏ nhiệm?

Đáp: Đại tiên không ưa nói pháp, cái biết của Thánh trí Vô phân biệt, Đại sư quán Niết-bàn rất nhỏ nhiệm, quán căn tánh chúng sanh không tương xứng, nên Phật tâm hồi hướng vắng lặng nhập Niết-bàn, không muốn nói pháp, nên kinh nói: “Ta thà không nói pháp, mau chóng nhập Niết-bàn”. Cái biết của Thánh trí vô phân biệt, như kinh Ma-Kiên Trì nói: “Bạch Đức Thế tôn! Nếu Niết bàn là có thật nay con tự có thông minh lợi trí, vì sao không thấy? Phật nói: Niết-bàn thật có, nay ông chưa đắc Thánh trí Vô phân biệt nên không thấy được, vì rất nhỏ nhiệm nên không phải cái đắc của văn tuệ, vì chân thật nên không phải cái đắc của tư tuệ, tư tuệ song song có thể thông đạt Chân đế và Tục đế, nhưng không thể đắc chu toàn đối với cõi của diệu lý vô tư; vì rất sâu nên không phải cái đắc của tu tuệ, tu tuệ chỉ đắc lý cạn, chưa có thể thông đạt lý sâu xa”. Vì nhỏ nhiệm này không phải ngôn ngữ có thể nói được, nên mượn thô danh để hiển bày diệu lý, do sự thấy của Thánh trí Vô phân biệt, nên câu nói “nhỏ nhiệm” được thành.

Ngoại đạo hỏi: Nếu Niết-bàn là điều mà Tu đạo sở đắc, thì cùng với người chưa thể Tu đạo không tương ứng. Đã không tương ứng nên không chung, nếu không cùng chung thì vô thường?

Đáp: Nếu từ đây về trước là không có, về sau là có, thì có thể nói là vô thường, nhưng không có nghĩa này, vì mé trước nên nói vô sinh. Nếu ông nói: “Khi chưa Tu đạo thì không thể đắc nên không có

vô sinh”, nghĩa đó không đúng. Vì sao? Vì không phải sự sinh của đạo, nên pháp này phải nói theo đạo để đắc năng sinh của phi đạo, do đó khi chưa tu thì không thể được nói là không có, nên nghĩa vô sinh được lập. Vì không có mé sau nên vô diệt, trung tế không có nghiệp phiền não nên không có đối khác. Vì không có ba lỗi sinh dị diệt nên nói thường trụ, không đồng với ngoại đạo lấy vô nhân, nên chỉ có một tên là thường trụ. Chánh nghĩa, thì không lấy nhân làm thường trụ, như Niết-bàn không do nhân mà có, ông cho: “Lân hư... cũng không do nhân mà có”, không có nghĩa như vậy. Vì sao? Vì Niết-bàn là hữu là vô, bốn thứ hủy báng không đến được, vì không do nhân mà đắc là thường. Ông chấp Lân Hư đã là hữu, vì hữu nên không đắc vô nhân, mà là đắc hữu nhân, tức là vô thường. Nếu ông nói: “Niết-bàn không có ba lỗi nên thường trụ, lân hư... cũng không có ba lỗi nên cũng thường trụ”, nghĩa đó không đúng. Vì sao? Vì nghĩa tướng làm chứng của ông không thành tựu! Niết-bàn thường trụ không cùng với Lân Hư là đồng tướng hay dị tướng, vì lân hư... là hữu phân biệt, không có nghĩa làm chứng được thành Niết-bàn, là vô phân biệt nên Niết-bàn thường trụ. Lân hư... thường trụ thì không được thành lập. Lại nữa, lân hư... cũng không thành tựu. Vì sao? Vì nhóm xúc không thành nên nghĩa của xúc cũng không thành, vì bốn đại không tương ứng. Nếu nhóm cũng không thành tựu vì tướng thô, nên đều không phải lân hư trần. Nếu là Niết-bàn thì không có một pháp nào thường trụ, vì Niết-bàn thật có thường trụ, vì nói theo phương tiện mà được giải thoát. Do đó Tu đạo không vô dụng. Cho nên nếu có Niết-bàn thì mé trước... Không có, nên biết thường trụ vượt hơn tướng sắc... Do đó nói phi sắc; không là sắc tướng như mắt mẽ... nên nói phi phi sắc, là sự đắc đại công dụng của trí Vô phân biệt nên nói thật có nhân; là sự thành tựu xuất thế của đại tinh tấn, là sự đắc đạo của Phật, nên biết là thật có. Như trong kinh nói: “Này Tỳ-kheo! Pháp đó thật có, không sinh không khởi, không tạo tác Vô vi, nên biết Niết-bàn thật thường trụ. Pháp này là chuyển y của Như lai, nên gọi là gồm nhiếp chung, cũng gọi là tương ứng”.

Phẩm thứ 6: PHÂN BIỆT

Lại nữa, phải biết tướng nghĩa của phân biệt. Phân biệt, là tánh Như lai, hiển rõ tất cả pháp; như như thanh tịnh là tướng chung của phân biệt. Như điều nói trong kinh Bát-nhã: “Nhất thiết pháp, tức là pháp của ba tánh. Như như, là tục như tức chân như, chân như tức tục như, vì hai như chân tục này không khác nhau”. Thanh tịnh, có hai thứ: 1. Như như trong nhân, chưa đặc như như của quả địa vô cấu, nhưng không cấu ược trở lại. 2. Nhân quả câu tịnh, trong nhân là vô nhiễm thanh tịnh, đến quả vô cấu thanh tịnh. Như các nghĩa này là tướng chung của Phật tánh, vì hiển nghĩa này nên Phật nói các kinh Bát-nhã Ba-la-mật. Trong Phật tánh đó, phân biệt chúng sanh có ba thứ: 1. Không chứng thấy Phật tánh, gọi là phàm phu. 2. Có thể chứng thấy Phật tánh, gọi là bậc Thánh. 3. Chứng đến lý này thanh tịnh rốt ráo, gọi là Như lai.

Lại nữa, theo Phật tánh này, sự dụng của chúng sanh có ba thứ: 1. Điên đảo làm sự. 2. Vô điên đảo làm sự. 3. Vô điên đảo vô tán loạn hữu biệt pháp là chánh sự. Điên đảo, là tất cả phàm phu. Vô đảo, là tất cả bậc Thánh Hữu học. Vô đảo tán, là Pháp thân sau đạo. Pháp hữu biệt làm chánh sự, là ứng thân và hóa thân, vì độ chúng sanh đều do bốn nguyện lực của đại bi. Nói điên đảo, là tất cả phàm phu có ba đảo: 1. Tướng. 2. Kiến. 3. Tâm. Tức là ba thứ da phiền não, thịt phiền não và phiền não tâm. Hai vô đảo, là vô hoặc và vô hành, tức là tất cả bậc Thánh Bồ-tát Hữu học. Hoặc đảo: Là trái nghịch chân như, khởi tất cả phiền não, gọi là hoặc đảo. Hạnh đảo, là người hai thừa phải tu thường, lạc... bốn đức, trái với bốn điên đảo, hành đạo Bồ-tát, nhưng hiện tại không tu, chỉ tu Vô thường, khổ... làm nhân giải thoát, nên gọi là hạnh đảo, giải thích này không có hạnh riêng tu một phía của Tiểu thừa, vì là hai đảo. Nói ba vô đảo tán pháp hữu biệt làm chánh sự của bậc Thánh Đại thừa Hữu học, là diệt trừ ba chương của Thiền định, Giải thoát, Nhất thiết trí. Pháp giới trong lặng tịch tịnh, vô cấu không xả chánh sự, bốn nguyện đại bi hằng hóa độ chúng sanh gọi là Như lai, nên Theo tánh này mà phân biệt chúng sanh, gọi là tướng phân biệt.

Phẩm thứ 7: GIAI VỊ

Lại nữa, phải biết nghĩa tướng của giai vị. Nghĩa của giai vị, là trong các thứ pháp môn, nếu có phân biệt rộng nói pháp giới vô lưu thì cũng không ngoài sáu thứ:

1. Tự tánh.
2. Nhân.
3. Quả.
4. Sự.
5. Gồm nhiếp chung.
6. Phân biệt.

Vì hiển bày tự thể của giới vô lưu, nên trước hết nói tự tánh. Vì nói theo tánh này mà khởi bốn thứ như tin ưa... thắng nhân, do nhân này mà đắc quả của bốn đức thường trụ... Do Phật tánh nên sanh chán ghét sinh tử, ưa cầu Niết-bàn mà sự dụng được thành. Do tự tánh này mà đắc lìa dục, đắc nhân lìa dục gọi là gồm nhiếp chung; Theo Phật tánh mà đắc phân biệt ba thứ chúng sanh, chỗ đã tám vạn bốn ngàn pháp môn của Như lai, làm sự gồm nhiếp của sáu thứ, thứ tự trong ba vị.

Ba vị là:

1. Vị bất tịnh, là thế giới chúng sanh.
2. Vị tịnh, là Bồ-tát địa.
3. Vị tối thanh tịnh, tức là Phật địa.

Cho nên trong kinh vô thượng y nói: “Này A-nan, là pháp giới Như lai, sự che ẩn vô lượng vô biên các khối phiền não, theo dòng sinh tử, nổi chìm trong sáu đường, vô thủ trôi lăn, ta nói đó là chúng sanh giới. Này A-nan, là chúng sanh giới, đối với khổ sinh tử khởi chán lìa, trừ dục sáu dục trần, nói theo sự gồm nhiếp của tám mươi bốn ngàn pháp môn các Ba-la-mật, Tu đạo Bồ-đề, ta nói đó là Bồ-tát. Này A-nan, là thế giới chúng sanh, đã được thoát khỏi vỏ phiền não, vượt qua tất cả khổ, tẩy trừ cấu uế, pháp rốt ráo như thế, thanh tịnh trong suốt, là điều mà chúng sanh mong thấy. Vì diệu thượng địa, Nhất thiết trí địa, Nhất thiết vô ngại, nhập vào đó mà trụ, đến không gì có thể sánh thì đã đắc pháp năng lực tự tại hoàn toàn của vương, ta nói đó là Như lai”.

Phẩm thứ 8: ĐẦY KHẮP

Lại nữa, phải biết tướng đầy khắp . Đầy khắp, là phàm phu, bạc Thánh và các Như lai. Tánh vô phân biệt thứ tự trong ba vị: 1. Điên đảo luống dối. 2. Vô đảo Thánh đạo. 3. bốn đức thanh tịnh rốt ráo. Ba xứ này tướng bình đẳng thông đạt, đều tùy theo đạo lý mà đầy khắp. Ví như hư không trong các vật đất, bạc, vàng... đều đầy khắp bình đẳng không có sai khác, pháp giới của Như lai đầy khắp trong ba vị cũng giống như vậy, nên từ vị thứ tự mà nói đầy khắp này, như kinh Vô Thượng Y nói: “Này A-nan, là Như lai giới trong ba vị, tất cả xứ... đều không có trở ngại, xưa nay vắng lặng, ví như hư không, tất cả sắc chủng không thể che khuất, không thể lấp đầy, nếu xứ hư không của các vật như, bạc, vàng đều không chướng ngại, thì đó gọi là đầy khắp.

